TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2025/DS-ST
Ngày: 25-02-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Quách Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp HT, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Viên Thị Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày và yêu cầu như sau*:

Bà có tổ chức góp hụi vào ngày 15/6/2017 âm lịch, bà có mở dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, gồm có 31 phần, bà Trần Thị M tham gia góp 04 phần, trong đó bà Trần Thị M góp 01 phần và góp giùm chị Viên Thị Đ 03 phần, ngày mãn hụi ngày 15/01/2020. Sau khi lĩnh hết các phần hụi nói trên thì bà Trần Thị M

chơi giùm con gái của bà là Viên Thị Đ góp 03 phần với số tiền 270.000.000 đồng và bà Trần Thị M yêu cầu bà đến gặp chị Viên Thị Đ góp hụi thì chị Viên Thị Đ thừa nhận có cam kết trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, chị Viên Thị Đ trả cho bà được 4.000.000 đồng không trả nữa và hẹn trả từ từ, cách nay nay hơn 01 năm chị Viên Thị Đ có viết cam kết trả số tiền nợ hụi cho bà nhưng đến nay chưa trả hết còn nợ lại số tiền 266.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị Viên Thị Đ phải trả cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 266.000.000 đồng, trả đủ 01 lần trong thời hạn 01 tuần, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Viên Thị Đ trình bày như sau*:

Chị không trực tiếp giao dịch tham gia góp hụi với bà Trần Thị N, mà người trực tiếp tham gia góp hụi với bà Trần Thị N là bà Trần Thị M là mẹ ruột của chị, sau khi bà Trần Thị M chết thì bà Trần Thị N có đến gặp chị nói bà Trần Thị M nợ tiền hụi thì chị nhận trả thay, khi đó chi có ký xác nhận nợ vào tờ cam kết ngày 28 tháng 7 năm 2022, từ khi cam kết trả nợ đến nay chị trả cho bà Trần Thị N được 4.000.000 đồng, còn nợ lại 266.000.000 đồng. Nay chị thừa nhận số nợ trên và đồng ý trả cho bà Trần Thị N số tiền 266.000.000 đồng, chị hẹn mỗi năm trả cho bà Trần Thị N 3.000.000 đồng, trả đến khi hết số tiền 266.000.000 đồng, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Trần Thị N (Bản sao); Danh sách tham gia góp hụi ngày 16 tháng 6 năm 2017 (Bản phô tô và bản chính); Tờ cam kết ngày 28 tháng 7 năm 2022 dl của chị Viên Thị Đ (Bản phô tô và bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 14 tháng 3 năm 2024 của bà Trần Thị N (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn bà Trần Thị N yêu cầu chị Viên Thị Đ phải trả cho bà số tiền hụi chết còn nợ là 266.000.000 đồng, trả đủ 01 lần, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Viên Thị Đ theo yêu cầu của bà Trần Thị N, chị thừa nhận chị còn nợ và đồng ý trả cho bà Trần Thị N số tiền 266.000.000 đồng, nhưng hẹn mỗi năm trả cho bà Trần Thị N 3.000.000 đồng, trả đến khi hết số tiền 266.000.000 đồng, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Viên Thị Đ trả tiền hụi còn nợ. Bị đơn cư trú tại: ấp YL, xã NY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà Trần Thị N và bà Trần Thị M, chị Viên Thị Đ xác lập bằng lời nói, không thỏa thuận bằng văn bản, không thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ những người tham gia góp hụi, có lập danh sách những người tham gia góp hụi. Đồng thời sau khi mãn hụi, bà Trần Thị M, chị Viên Thị Đ không trả, bà Trần Thị N đòi nhiều lần và chị Viên Thị Đ có ghi tờ cam kết hẹn trả số tiền hụi còn nợ phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/ NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Xét khởi kiện của bà Trần Thị N yêu cầu chị Viên Thị Đ trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 266.000.000 đồng trả đủ 01 lần và ý kiến trình bày của chị Viện Thị Đậm nhận trả thay tiền hụi cho bà Trần Thị M mẹ của chị theo tờ cam kết trả nợ ngày 28 tháng 7 năm 2022, hiện nay chị còn nợ số tiền hụi là 266.000.000 đồng, chị hẹn mỗi năm trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nói trên. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua trình bày và yêu cầu của đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Tờ cam kết ngày 28/7/2022 âm lịch của chị Viên Thị Đ, thì chị Viên Thị Đ nợ bà Trần Thị N tổng số tiền hụi là 268.000.000 đồng, chị Viên Thị Đ hẹn trả cho bà Trần Thị N mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, trả từ tháng 7/2022 âm lịch cho đến khi hết nợ là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị N yêu cầu chị Viên Thị Đ trả đủ 01 lần hết số tiền 266.000.000 đồng; chị Viên Thị Đ hẹn mỗi năm trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 266.000.000 đồng là không thống nhất số lượng tiền, nhưng không thống nhất thời gian và phương thức trả nợ nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự được, mà đưa ra xét xử, ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự trả số tiền hụi còn nợ là 266.000.000 đồng, buộc chị Viên Thị Đ trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, điều kiện trả theo quy định pháp luật thi hành án dân sự. Bà Trần Thị N không yêu cầu chị Viên Thị Đ trả tiền lãi chậm trả nên không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc chị Viên Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị N số tiền hụi còn nợ là 266.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 25 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc chị Viên Thị Đ phải trả cho bà Trần Thị N số tiền hụi còn nợ là 266.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc chị Viên Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.300.000 đồng (266.000.000 đồng x 5%).

Bà Trần Thị N không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Trần Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.650.000 đồng theo biên lai thu số 0003547 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/02/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện AB;
- CC THADS huyện AB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Điền).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo